

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN  
CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ**

Mã Hồ sơ: .....

Đối tượng đăng ký: **Giảng viên**

Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: **Y**

Chuyên ngành: **Y tế công cộng**

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: **ĐINH THỊ DIỆU HẰNG**
2. Ngày, tháng, năm sinh: **18 tháng 3 năm 1971**
3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:
4. Quê quán: **xã Tiêu Động, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam**
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **số nhà 33b, phố Tam Giang, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.**
6. Địa chỉ liên hệ: **Đinh Thị Diệu Hằng,**



**Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương,  
số 1 Vũ Hựu, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương**  
Điện thoại nhà riêng: **0220 3 856521**      Điện thoại di động: **0865713389**  
Email: [hangdtd@hmut.edu.vn](mailto:hangdtd@hmut.edu.vn)

**7. Quá trình công tác:**

Thời gian	Nơi công tác	Chức danh, chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể)
Tháng 11/1996 đến tháng 3/2001	Bộ môn Xét nghiệm, Phòng Đào tạo Trường Trung học Kỹ thuật Y tế 1 - Bộ Y tế	Giáo viên
Tháng 4/2001 đến tháng 9/2004	Phòng Đào tạo Trường Cao đẳng Kỹ thuật Y tế 1 - Bộ Y tế	Giảng viên
Tháng 10/2004 đến tháng 7/2007	Phòng Quản lý Khoa học & Hợp tác quốc tế Trường Cao đẳng Kỹ thuật Y tế 1 - Bộ Y tế	Phó trưởng phòng
Tháng 8/2007 đến tháng 6/2009	Phòng Quản lý Khoa học & Hợp tác quốc tế Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương	Trưởng phòng
Tháng 7 năm 2009 đến 10/2012	Phòng Quản lý Khoa học & Hợp tác quốc tế; Labo Xét nghiệm ATVSTP Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương	Trưởng phòng/ Giám đốc Labo
Từ tháng 11/2012 đến 12/2014	Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương	Giảng viên chính/Phó hiệu trưởng

Từ tháng 1/2015 đến tháng 4/2015	Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương	Giảng viên chính/ Hiệu trưởng, Giám đốc bệnh viện Trường
Từ tháng 5/2015 đến 3/2017	Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương	Giảng viên chính/ Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng Giám đốc Bệnh viện Trường
Từ tháng 4/2017 đến nay	Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương	Giảng viên chính/ Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng

Chức vụ: hiện nay: **Hiệu trưởng** Chức vụ cao nhất đã qua:.....

Cơ quan công tác hiện nay: **Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương**

Địa chỉ cơ quan: **số 1 Vũ Hựu, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương**

Điện thoại cơ quan: **02203 891799**

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học: **Trường Đại học Y Dược Hải Phòng**

8. Đã nghỉ hưu từ tháng..... năm.....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có).....

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ).....

9. Học vị:

- Được cấp bằng ĐH: **ngày 14/9/1995**; Ngành Y, chuyên ngành **Bác sĩ đa khoa**

Nơi cấp bằng ĐH: **Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam**

- Được cấp bằng ThS: **ngày 04/5/2001**; Ngành Y, chuyên ngành **Quản lý CSSKBĐ**

Nơi cấp bằng ThS: **Đại học Mahidol, Thái Lan**

- Được cấp bằng TS: **ngày 28/03/2013**; Ngành Y, chuyên ngành **Vệ sinh xã hội học và Tổ chức y tế.**

Nơi cấp bằng DH: **Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam**

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày..... tháng..... năm.....

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh: **PGS tại HĐGS cơ sở Trường Đại học Y Dược Hải Phòng**

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh: **PGS tại HĐGS ngành Y**

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Dịch tễ học lâm sàng

- Dịch tễ học cộng đồng

- Quản lý chất lượng xét nghiệm, Quản lý đào tạo.

#### 14. Kết quả đào tạo, nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn **04** HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành: **03** Đề tài NCKH cấp Bộ/cấp Tỉnh; **13** đề tài cấp cơ sở;
- Đã công bố 30 bài báo KH, trong đó có **07** Bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Số lượng sách đã xuất bản: **05** tại Nhà xuất bản Y học
- Các công trình KH tiêu biểu nhất:

+ Đánh giá thực trạng đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực kỹ thuật viên y tế tại các bệnh viện thuộc 28 tỉnh phía Bắc; Tác giả: Vũ Đình Chính, Đinh Thị Diệu Hằng và cộng sự; năm công bố: 2010;

+ Nghiên cứu thực trạng bệnh thoái hóa khớp gối và hiệu quả nâng cao năng lực chẩn đoán, xử trí của cán bộ y tế xã tại Hải Dương; Tác giả: Đinh Thị Diệu Hằng, Vũ Đình Chính; năm công bố: 2013;

+ Xây dựng mô hình quản lý và chăm sóc bệnh nhân viêm gan tại tỉnh Hải Dương; Tác giả: Đinh Thị Diệu Hằng, Vũ Đình Chính, Vũ Công Danh và cộng sự - năm công bố: 2018;

+ Thực trạng kiểm tra chất lượng xét nghiệm của một số chỉ số hóa sinh tại các bệnh viện tuyến huyện ở khu vực Hải Dương năm 2018; Tác giả Đinh Thị Diệu Hằng, Ngô Quỳnh Diệp và CS - Tạp chí Y học Việt Nam, tập 470, năm công bố 2018;

+ Khảo sát thực trạng mắc chứng bàng quang tăng hoạt ở người 18 tuổi trở lên tại xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (2018-2019); Tác giả Đinh Thị Diệu Hằng, Lê Thị Hà; Tạp chí Y học Việt Nam tập Tập 480 (Số 1&2 tháng 7/ 2019), năm công bố 2019;

+ Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị một số bệnh Nội khoa thông thường; Tác giả: Đinh Thị Diệu Hằng, Trần Ngọc Ánh; Nhà Xuất bản Y học; năm xuất bản: 2016

#### 15. Khen thưởng:

- Chiêu sinh thi đua cấp Bộ (2010).
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (năm 2015).
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y tế (2004, 2005, 2013, 2015, 2016, 2017).
- Bằng khen của Công đoàn Y tế Việt Nam (2008, 2015, 2018).
- Giải nhì Hội thi Sáng tạo Khoa học & Kỹ thuật tỉnh Hải Dương (2015)
- Giải B giải thưởng KH-CN Côn Sơn tỉnh Hải Dương (2016)
- Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Khoa học Công nghệ (Bộ Khoa học Công nghệ và Liên hiệp các Hội KHKT Việt Nam); Kỷ niệm chương Vì sức khỏe nhân dân, Vì sự nghiệp Giáo dục.

#### 16. Kỷ luật: Không

### B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

#### 1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Từ năm 1997 đến nay, bản thân tôi vẫn trực tiếp tham gia giảng dạy cho học sinh, sinh viên tại Trường. Đặc biệt từ khi Trường nâng cấp thành Trường Đại học (năm

2007), bản thân tiếp tục tham gia giảng dạy, với số tiết trung bình hàng năm trong 06 năm gần đây là 75 tiết quy chuẩn. Trong quá trình giảng dạy, tôi cùng tập thể giáo dục nhà trường thường xuyên đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy để giữ vững và nâng cao chất lượng đào tạo, hàng năm được Nhà trường đánh giá tốt.

Với vai trò là lãnh đạo Nhà trường, Phó hiệu trưởng từ năm 2012, đặc biệt là Hiệu trưởng từ năm 2015 đến nay, bản thân đã trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và giám sát việc đảm bảo chất lượng tuyển sinh, quá trình đào tạo, đặc biệt là đào tạo ngành Y khoa, duy trì đào tạo theo hệ thống tín chỉ với các ngành Y khoa, Điều dưỡng, Kỹ thuật y học; đào tạo dựa trên năng lực đối với Điều dưỡng, hoàn thành chuẩn đầu ra, xây dựng chương trình đào tạo Điều dưỡng dựa trên năng lực theo hướng tích hợp.

Chú trọng công tác đánh giá đào tạo, đổi mới về hình thức, nội dung và phương pháp, đảm bảo công bằng, nghiêm túc khách quan, phản ánh đúng chất lượng sinh viên. Đặc biệt chú trọng thực hiện nghiêm túc qui chế thi, kiểm tra, đảm bảo học thật, thi thật và kết quả thật. Không có tình trạng thương mại hóa trong đào tạo. Phân cấp, phân quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm và trách nhiệm giải trình cho các khoa, bộ môn, coi trọng đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ giảng viên. Cuối mỗi học kỳ và hết năm học, Trường tiến hành lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về công tác giảng dạy của giảng viên và tiến hành rút kinh nghiệm trong hội nghị giảng viên toàn Trường. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra: Chỉ đạo Tổ thanh tra pháp chế thường xuyên kiểm tra việc thực hiện tiến độ, chương trình giảng dạy theo kế hoạch dạy/học, tổ chức kiểm tra đánh giá việc thực hiện Qui chế đào tạo của Bộ Giáo dục & đào tạo đối với giảng viên, gắn kết quả thực hiện nhiệm vụ với bình xét thi đua.

Hoàn thành tự đánh giá và đánh giá ngoài chất lượng giáo dục trường. Trường được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Hiện nay, bản thân đang tiếp tục chỉ đạo và tham gia tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo. Chất lượng đào tạo của Nhà trường tiếp tục được giữ vững và nâng cao, Trường đã trở thành địa chỉ có uy tín trong đào tạo nguồn nhân lực y tế, đặc biệt là đội ngũ điều dưỡng và kỹ thuật y học. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp 1 năm đạt trên 90%, luôn được các cơ sở y tế đánh giá cao về chất lượng đào tạo.

**Thành tích chính trong đào tạo sau đại học:** đã hướng dẫn thành công 04 học viên cao học (hướng dẫn chính cho 02 học viên; hướng dẫn phụ cho 02 học viên) tại Trường Đại học Y Dược Hải Phòng và Trường Đại học Y Hà Nội.

**Tham gia xây dựng khung chương trình:** Bản thân chỉ đạo và trực tiếp tham gia xây dựng khung chương trình, đề cương chi tiết học phần, cấu trúc lại theo hướng tích hợp một số chương trình đào tạo bậc Đại học như:

- Chương trình đào tạo Cử nhân Xét nghiệm Y học
- Chương trình đào tạo Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh Y học
- Chương trình đào tạo Cử nhân Phục hồi chức năng
- Chương trình đào tạo Cử nhân Điều dưỡng (Đa khoa, Gây mê hồi sức, Điều dưỡng Nha khoa, Điều dưỡng Sản phụ khoa)
- Chương trình đào tạo Bác sĩ Y khoa

**Tham gia biên soạn giáo trình Kỹ thuật xét nghiệm hoá sinh ứng dụng trong lâm sàng**, là tài liệu học và tham khảo cho kỹ thuật viên xét nghiệm. Giáo trình có nội dung phong phú, phù hợp với chương trình đào tạo, ngoài việc cung cấp cho học viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong lĩnh vực xét nghiệm hoá sinh và giáo trình còn giúp học viên tiếp cận với các quy trình kỹ thuật hiện đại đang được sử dụng tại các cơ sở y tế và giá trị của các xét nghiệm hoá sinh lâm sàng. Tham gia biên soạn cuốn **Kỹ năng thực hành Điều dưỡng** với một tư duy, cách tiếp cận hoàn toàn mới, tích hợp, dựa trên năng lực, mang tính chất Hội nhập quốc tế; Đồng chủ biên cuốn “**Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị một số bệnh Nội khoa thông thường**”- đây là tài liệu tham khảo, hướng dẫn cho các thầy thuốc thực hành tại bệnh viện Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương, đồng thời là tài liệu tham khảo, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm cho các giảng viên và sinh viên trong lĩnh vực đào tạo của nhà trường. Ngoài ra, tôi còn tham gia biên soạn chuẩn giáo dục và bộ công cụ đánh giá chất lượng chương trình điều dưỡng ở Việt Nam.

Với nhận thức và xác định nhiệm vụ nghiên cứu khoa học công nghệ có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc phát triển, nâng cao trình độ chăm sóc sức khoẻ và chất lượng giáo dục. Hơn nữa, hoạt động nghiên cứu khoa học của các giảng viên trong một nhà trường là yếu tố quyết định đến chất lượng đào tạo của cơ sở giáo dục. Bản thân tôi luôn tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, tập trung nghiên cứu các lĩnh vực chăm sóc sức khoẻ cộng đồng và khoa học quản lý giáo dục.

Sau khi bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ chuyên ngành Vệ sinh học xã hội và Tổ chức Y tế tháng 9 năm 2013 với đề tài: “**Nghiên cứu thực trạng bệnh thoái hóa khớp gối và hiệu quả nâng cao năng lực chẩn đoán, xử trí của cán bộ y tế xã tại Hải Dương**”, tôi đã làm chủ nhiệm và tham gia nghiên cứu 08 công trình nghiên cứu khoa học cấp Bộ, cấp Tỉnh và cấp cơ sở, trong đó có các công trình tiêu biểu như:

**1) Chủ nhiệm đề tài cấp Tỉnh: “Xây dựng mô hình quản lý chăm sóc bệnh nhân viêm gan (2016-2017)”**

Nội dung của nghiên cứu đã cung cấp số liệu cơ bản cho tỉnh Hải Dương về thực trạng quản lý chăm sóc bệnh nhân viêm gan tại cộng đồng: Tỷ lệ nhiễm vi rút viêm gan B là 6,8%, nhiễm viêm gan vi rút C là 0,066 %; viêm gan rượu chiếm 0,27%; gan nhiễm mỡ chiếm 19,8 %. Kiến thức của người dân về sự lây nhiễm, hậu quả và cách phòng chống bệnh viêm gan còn rất kém. Qua đó nhóm nghiên cứu tư vấn điều trị, giáo dục sức khỏe, dự phòng lây truyền vi rút viêm gan cho những trường hợp mắc bệnh và gia đình của họ.

Đề tài cũng cho thấy thực trạng quản lý bệnh nhân viêm gan tại các trạm y tế thuộc tỉnh Hải Dương: Chỉ có 12 đơn vị (4,6%) thống kê số người nhiễm vi rút viêm gan B; 2 đơn vị (0,8%) thống kê số người nhiễm vi rút viêm gan C; 5 đơn vị (1,9%) có thống kê số bệnh nhân gan nhiễm mỡ; 8 đơn vị (3,1%) có thống kê số bệnh nhân gan do rượu; 21,2% đến 24,7% TYT có thông báo cho người bệnh viêm gan vi rút, viêm gan rượu, viêm gan nhiễm mỡ đến khám định kỳ; Hình thức thông báo chủ yếu qua điện thoại hoặc thông báo trực tiếp; Chỉ có 2,3% - 5,0% số TYT lập danh sách người nhiễm vi rút viêm gan B,C, gan nhiễm mỡ và bệnh gan do rượu; Hình thức quản lý theo dõi người bệnh viêm gan chủ yếu là bằng hồ sơ bệnh án giấy nên khó cập nhật, theo dõi quản lý người bệnh.

Đề tài đã đề xuất mô hình quản lý bệnh nhân viêm gan có khả năng áp dụng tại tỉnh Hải Dương. Trong đó có việc áp dụng công nghệ thông tin, sử dụng phần mềm quản lý bệnh nhân viêm gan từ y tế cơ sở tới bệnh viện, hướng tới mục tiêu quản lý sức khỏe từ hộ gia đình theo nguyên lý y học gia đình trong tương lai. Kết quả nghiên cứu cũng giúp các nhà hoạch định kế hoạch y tế cộng đồng của tỉnh Hải Dương và Bộ Y tế đánh giá đúng thực trạng quản lý bệnh nhân viêm gan hiện nay tại cộng đồng. Từ đó có chính sách quản lý bệnh nhân hiệu quả. Từ những thành công của mô hình quản lý đối với bệnh nhân viêm gan có thể mở rộng áp dụng với bệnh nhân bị các bệnh mạn tính khác như tăng huyết áp, đái tháo đường.

**2) Chủ nhiệm đề tài cấp Tỉnh: “*Nghiên cứu bào chế viên nang cứng có tác dụng hạ huyết áp của phân đoạn từ các loại hoè hoa (Flos Styphnolobii japonici) được chế biến theo y học cổ truyền tại Hải Dương*”**

Nội dung của đề tài đề cập đến việc đánh giá tác dụng hạ huyết áp của các phân đoạn của các loại hoè hoa, xây dựng tiêu chuẩn dược liệu, điều chế cao định chuẩn và bào chế viên nang cứng từ các phân đoạn của các loại hoè hoa chế biến theo y học cổ truyền nhằm lựa chọn loại hoè hoa, phân đoạn từ loài hoè hoa đó, phương pháp chế biến theo y học cổ truyền và xây dựng tiêu chuẩn bào chế viên nang cứng có tác dụng hạ huyết áp tốt nhất.

Kết quả của đề tài đã góp phần thực hiện tốt phương châm chỉ đạo của Nhà nước, của Bộ Y tế là làm mới, nâng cao chất lượng, hiện đại hóa y học cổ truyền, phát triển được liệu có sẵn trong nước, đặc biệt hoè hoa được trồng phổ biến tại Hải Dương và một số tỉnh đồng bằng sông Hồng, giảm giá thành điều trị, tránh xuất khẩu nguyên liệu thô, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khoẻ của nhân dân. Hiện nay đề tài đang chờ nghiệm thu.

**3) Chủ nhiệm đề tài cấp cơ sở: “*Khảo sát các yếu tố liên quan đến chất lượng xét nghiệm hóa sinh máu tại 12 bệnh viện tuyến tỉnh Hải Dương năm 2018*”**

Kết quả khảo sát một số yếu tố liên quan đến chất lượng xét nghiệm hoá sinh máu ở 12 bệnh viện tuyến tỉnh Hải Dương năm 2018 đã cho thấy 50% số phòng xét nghiệm (PZN) chưa đảm bảo đúng yêu cầu thiết kế, chỉ có 14,5% có trình độ Bác sĩ chuyên ngành xét nghiệm; 37,2 % có trình độ cử nhân xét nghiệm, vẫn còn 20,7% KTV trình độ trung cấp và 6,9% trung cấp Y không chuyên ngành xét nghiệm. Ngoài ra, qua đánh giá kết quả xét nghiệm của 5 chỉ số hoá sinh máu (Glucose, Ure, Creatinin, Cholesterol và ALT) ở cả 02 mức (QC1 và QC2) cho thấy kết quả xét nghiệm bằng phương pháp đo điểm cuối (Glucose, Ure, Cholesterol) của các PZN đạt độ chụm khá tốt; kết quả xét nghiệm bằng phương pháp đo 2 điểm (Creatinin) và đa điểm (ALT) của nhiều PZN có độ chụm kém, còn nguy cơ sai số.

Đây là những số liệu giúp cho ngành y tế Hải Dương quan tâm đúng mức đến việc quản lý chất lượng xét nghiệm, giúp cho cơ sở đào tạo quan tâm tới nội dung đào tạo về quản lý chất lượng xét nghiệm. Kết quả của đề tài đã tư vấn cho UBND tỉnh Hải Dương đề xuất nhiệm vụ khoa học cấp bách cấp Nhà nước về “*Nghiên cứu xây dựng hệ thống quản lý chất lượng xét nghiệm và giải pháp liên thông kết quả xét nghiệm y học giữa các cơ sở y tế tỉnh Hải Dương*”, kết quả của đề tài sẽ góp phần giảm sự lãng phí về thời gian và chi phí cho người bệnh và xã hội, đề tài đã được Bộ Khoa học & Công nghệ đồng ý, chấp thuận.

**4) Chủ nhiệm đề tài cấp cơ sở: “Khảo sát thực trạng mắc chứng bàng quang tăng hoạt ở người 18 tuổi trở lên tại xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (2018-2019)”**

Bàng quang tăng hoạt (BQTH) là một hội chứng khá phổ biến tại cộng đồng, tuy không phải là bệnh nguy hiểm nhưng ảnh hưởng lớn đến chất lượng cuộc sống, hoạt động làm việc, sinh hoạt của người bệnh. Tuy nhiên việc chẩn đoán và điều trị BQTH mới tập trung tại các bệnh viện chuyên khoa với số lượng ít, chưa có tác giả nào ở Hải Dương quan tâm, nghiên cứu về BQTH tại cộng đồng.

Kết quả nghiên cứu cho thấy: Tỷ lệ mắc bàng quang tăng hoạt ở người từ 18 tuổi trở lên tại xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng tỉnh Hải Dương là 15,7%, trong đó nhóm nam giới là 8,02%; nữ giới là 19,95%. Tỷ lệ chung mắc BQTH ướt 10,37% và BQTH khô là 5,35%. Có mối liên quan giữa chứng bàng quang tăng hoạt với giới tính, nữ giới có nguy cơ mắc BQTH cao hơn nam giới (OR: 2,8; 95% CI: 1,64 - 4,97). Tỉ lệ mắc BQTH cao hơn ở nhóm ≥ 60 tuổi so với nhóm 20-59 tuổi (OR: 3,92, 95% CI: 0,13 - 0,75). Người bệnh tăng huyết áp có nguy cơ mắc BQTH cao gấp 3,046 lần nhóm không bị bệnh tăng huyết áp ( $p < 0,05$ ), tình trạng táo bón làm tăng nguy cơ mắc BQTH (OR: 2,43; 95% CI: 0,22 - 0,76).

Việc nghiên cứu thực trạng mắc chứng BQTH tại cộng đồng giúp cho việc chẩn đoán sớm, xây dựng các biện pháp can thiệp phù hợp giúp phòng ngừa, điều trị căn bệnh này, làm giảm thiểu những ảnh hưởng không tốt đến chất lượng cuộc sống của người bệnh, đóng góp số liệu dịch tễ học có ý nghĩa cho công tác điều trị, dự phòng, giáo dục truyền thông sức khỏe và công tác đào tạo.

**5) Chủ nhiệm đề tài cấp cơ sở: “Loãng xương và một số yếu tố liên quan ở phụ nữ mãn kinh đến khám và điều trị tại Bệnh viện Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương năm 2017”**

Qua khám lâm sàng và đo mật độ xương (MDX) của 200 phụ nữ mãn kinh bằng phương pháp hấp thụ tia X năng lượng kép (DEXA) trên máy DEXXUM T, kết quả cho thấy, 75 người có T-score < -2,5; 86 người có  $-2,5 \geq T\text{-score} < -1$  và 39 người có T-score  $\geq -1$ . MDX trung bình tại cỗ xương đùi của đối tượng nghiên cứu (ĐTNC) là  $0,76 \pm 0,12$  ( $\text{g/cm}^2$ ), MDX trung bình tại cột sống thắt lưng (CSTL) là  $0,89 \pm 0,18$  ( $\text{g/cm}^2$ ), chỉ số T-score trung bình tại cỗ xương đùi là  $-1,1 \pm 1,03$ ; chỉ số T-score trung bình tại CSTL là  $-1,8 \pm 1,5$ . Tỷ lệ loãng xương là 37,5%, trong đó loãng xương nặng là 8,5%; vị trí gãy xương thường gặp nhất là lún xẹp đốt sống (41,2%).

Tỷ lệ loãng xương của nghiên cứu này tương đương với các nghiên cứu ở các địa phương khác với cùng phương pháp đo nhưng cao gấp đôi tỷ lệ thu được trước đó tại Hải Dương bằng chụp phim Xquang cột sống. Một số yếu tố liên quan đến LX ở phụ nữ mãn kinh là tuổi cao ( $>50$  tuổi), chiều cao thấp ( $<1,50\text{m}$ ), nhẹ cân ( $< 50\text{Kg}$ ), BMI thấp, số năm mãn kinh  $>15$  năm (OR= 5,3) và phụ nữ sinh đẻ từ 3 con trở lên (OR=3,4).

Qua kết quả nghiên cứu cho thấy cần mở rộng việc khám sàng lọc và đo mật độ xương bằng phương pháp DEXA cho đối tượng phụ nữ sau mãn kinh ở cộng đồng để phát hiện sớm loãng xương, đặc biệt với những phụ nữ mãn kinh trên 50 tuổi, có trên 3 con, chiều cao  $< 1\text{m}50$ , cân nặng  $< 50\text{ kg}$ , BMI  $< 22$ , góp phần hạn chế biến chứng gãy xương do loãng xương, nâng cao chất lượng cuộc sống cho phụ nữ sau mãn kinh, giảm gánh nặng về sức khỏe cho cộng đồng, đặc biệt là khi tuổi thọ của con người ngày càng tăng.

Hiện nay, tôi đang chủ trì triển khai thực hiện 01 đề tài cấp Nhà nước, 01 đề tài nhánh cấp Nhà nước, 01 đề tài cấp Bộ.

**Chủ nhiệm đề tài cấp Nhà nước:** “*Nghiên cứu thực trạng sản xuất, kinh doanh và mức độ ô nhiễm sinh học, hóa học trong một số thực phẩm cho trẻ em và phụ nữ mang thai*” thực hiện từ 2019

**Chủ nhiệm đề tài cấp Bộ:** “*Thực trạng Hội chứng chuyển hoá ở người trưởng thành vùng đồng bằng Bắc Bộ và hiệu quả can thiệp điều chỉnh chế độ ăn, lối sống đối với các yếu tố của Hội chứng chuyển hoá*” thực hiện từ 2019-2021.

Là tác giả chính và tham gia công bố, xuất bản 30 bài báo khoa học ở các tạp chí trong nước như Y học thực hành, Y học Việt Nam, Y học dự phòng và các tạp chí quốc tế: Journal of Functional Ventilation and Pulmonology, Advances in Medical Science, Canadian Respiratory Journal và Parasitology Research.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên: **11 năm**

TT	Năm học	Hướng dẫn NCS		HD luận văn ThS	HD đồ án, khoa luật tốt nghiệp ĐH	Giảng dạy		Tổng số giảng/số giờ quy đổi
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2012-2013					100		100/100
2	2013-2014			03		100		100/100
3	2014-2015				01	95		95/95
4	2015-2016				02	90		90/95
3 năm học cuối								
5	2016-2017				02			95/95
6	2017-2018				01			65/65
7	2018-2019			01				65/65

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: **tiếng Anh**

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH: ..... ; Tại nước.....; Từ năm:..... đến năm.....

- Bảo vệ luận văn ThS  Tại nước: **Thái Lan**; **năm 2001**;

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: ..... số bằng:.....; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):.....

d) Đối tượng khác:..... ; Diễn giải:.....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): **Tiếng Anh** Trình độ C

4. Hướng dẫn thành công NCS làm luận án TS và học viên làm luận văn ThS (đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng)

TT	Họ và tên HV	Đối tượng		Trách nhiệm HD		Thời gian hướng dẫn từ..... đến....	Cơ sở đào tạo	Năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HV	Chính	Phụ			
1	Phạm Ngọc Huy		x	x		2012-2014	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	2014
2	Hoàng Đức Toàn		x	x		2012-2014	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	2014
3	Đỗ Thị Tuyết Mai		x		x	2012-2014	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	2014
4	Ngô Bá Hưng		x		x	2016-2018	Trường Đại học Y Hà Nội	2018

5. Biên soạn sách phục đào tạo đại học và sau đại học:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết MM hoặc CB, phần biên soạn	Xác nhận của CS GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
1	Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị Bệnh nội khoa thường gặp	Sách hướng dẫn	NXB Y học 2016	06	Đồng chủ biên	Số 02 (ngày 05/1/2017) của Trường ĐH Kỹ thuật Y tế Hải Dương
2	Kỹ thuật xét nghiệm hoá sinh ứng dụng trong lâm sàng	Sách tham khảo	NXB Y học 2004	03	Tham gia	Trường ĐH Kỹ thuật Y tế Hải Dương
3	Kỹ năng thực hành Điều dưỡng	Sách tham khảo	NXB Y học 2013		Tham gia	Số 328 (ngày 26/9/2013) của Trường ĐH Kỹ thuật Y tế Hải Dương
4	Sức khỏe tâm thần	Giáo trình đại học	Nội bộ	02	Tham gia	Trường ĐH Kỹ thuật Y tế Hải Dương
5	Giáo trình Hóa sinh	Giáo trình Cao đẳng	NXB Y học 2004	02	Đồng chủ biên	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Y tế 1

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/T K	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)
1	Đánh giá thực trạng đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực kỹ thuật viên y tế tại các bệnh viện thuộc 28 tỉnh phía Bắc	Tham gia	Cấp Bộ	2004-2005	09/12/2005
2	Nghiên cứu đặc điểm bệnh Thoái hoá khớp gối ở một số vùng thuộc tỉnh Hải Dương	Đồng chủ nhiệm	Cấp Bộ	2005 - 2009	12/5/2009
3	Xây dựng mô hình quản lý và chăm sóc bệnh nhân viêm gan tại tỉnh Hải Dương	Chủ nhiệm	Cấp Tỉnh	2016-2017	13/6/2018
4	Đánh giá thực trạng về công tác quản lý học sinh - sinh viên của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Y tế 1 từ năm 1999 - 2002	Tham gia	Cấp cơ sở	1999-2002	14/1/2003
5	Nhận xét về đội ngũ kỹ thuật viên y tế tốt nghiệp tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Y tế 1 trong 5 năm (1999 – 2003)	Tham gia	Cấp cơ sở	1999-2003	26/6/2004
6	Đánh giá thực trạng đội ngũ giáo viên giảng dạy chuyên ngành kỹ thuật y tế	Tham gia	Cấp cơ sở	2003-2004	26/6/2004
7	Đánh giá thực trạng nguồn nhân lực kỹ thuật viên y tế tại các bệnh viện thuộc 28 tỉnh phía Bắc	Tham gia	Cấp cơ sở	2003-2004	26/6/2004

8	Một số nhận xét thực trạng việc làm và chương trình đào tạo kỹ thuật viên y tế trung học đã tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Kỹ thuật Y tế 1 trong 3 năm (1999 - 2001)	Đồng chủ nhiệm	Cấp cơ sở	1999-2000	2/11/2002
9	Thoái hóa khớp gối và những yếu tố liên quan đến thoái hóa khớp gối ở người trên 40 tuổi tại huyện Cẩm Giàng, Hải Dương	Tham gia	Cấp cơ sở	2007-2008	24/11/2008
10	Đánh giá tác động của khẩu phần protein đến mức độ bài xuất calci qua nước tiểu	Tham gia	Cấp cơ sở	2013	20/6/2013
11	Đánh giá ảnh hưởng của acid nucleotide chiết xuất từ tinh dịch cá hồi đối với cải thiện tình trạng dinh dưỡng và miễn dịch của trẻ em từ 12 đến 36 tháng tuổi bị nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính tại BVĐK tỉnh Bắc Ninh	Tham gia	Cấp cơ sở	2014	17/5/2017
12	Loãng xương và một số yếu tố liên quan ở phụ nữ mãn kinh đến khám và điều trị tại Bệnh viện Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương năm 2017	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2017	19/4/2018
13	Thực trạng kiểm tra chất lượng xét nghiệm của một số chỉ số hóa sinh	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2018	9/8/2018

	tại các bệnh viện tuyến tỉnh ở khu vực Hải Dương năm 2018				
14	Thực trạng kiểm tra chất lượng xét nghiệm của một số chỉ số hóa sinh tại bệnh viện tuyến huyện tỉnh Hải Dương năm 2018	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2018	9/8/2018
15	Khảo sát thực trạng mắc chứng bàng quang tăng hoạt ở người 18 tuổi trở lên tại xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2018-2019	10/5/2019
16	Nhận xét kết quả của phác đồ nội tiếp trong điều trị tiệt trừ <i>Helicobacter</i> Pylori ở bệnh nhân loét hành tá tràng tại Bệnh viện Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2018-2019	13/6/2019

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng /giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

#### 7.1. Bài báo khoa học đã công bố

7.1.1. Các bài báo khoa học đã công bố trước khi bảo vệ học vị TS:

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/ số	Trang	Năm công bố
1	Những yếu tố liên quan đến sự xuất hiện bệnh tiêu chảy ở	01	Y học thực hành			Số 526	107-111	2005

	trẻ em nông thôn dưới 2 tuổi tại xã Tân Hưng, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương							
2	Thoái hoá khớp gối và một số yếu tố liên quan tới thoái hoá khớp gối ở người trên 40 tuổi làm nông nghiệp tại huyện Cẩm Giàng - Hải Dương	04	Y học thực hành			Số 735+736	07-11	2010
3	Đánh giá thực trạng nguồn nhân lực KTV Y tế tại các bệnh viện thuộc 28 tỉnh phía Bắc	04	Y học thực hành			số 526	07-10	2005
4	Điều tra thực trạng đội ngũ giáo viên giảng dạy chuyên ngành kỹ thuật y tế	04	Y học thực hành			số 526	17-21	2005
5	Nhận xét đội ngũ KTV y tế tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Kỹ thuật Y tế trong 5 năm (1999 - 2003)	04	Y học thực hành			số 526	144-147	2005

7.1.2. Các bài báo khoa học đã công bố sau khi bảo vệ học vị TS:

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/ số	Trang	Năm công bố
1	Đánh giá tác động của khẩu phần protein đến mức độ bài xuất calci qua nước tiểu	05	Y học thực hành			số 978	03-06	2015
2	Tình trạng dinh dưỡng của các đối tượng người bệnh trong các bệnh viện phía Bắc năm 2012	04	Y học thực hành			số 978	47-52	2015
3	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng bệnh thoái hóa khớp gối và một số yếu tố liên quan tới thoái hóa khớp gối tại 02 xã huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương	02	Y học thực hành			số 1048	11-17	2017
4	Nghiên cứu đặc điểm xquang bệnh thoái hóa khớp gối ở người từ 40 tuổi trở lên tại 02 xã thuộc huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương	02	Y học thực hành			số 1048	17-22	2017
5	Nhận xét về kiến thức chẩn đoán, điều trị bệnh thoái hóa khớp gối của cán bộ y tế tại Trạm Y tế xã thuộc tỉnh Hải Dương	02	Y học thực hành			số 1048	23-28	2017
6	Ảnh hưởng của acid nucleotide chiết xuất từ tinh dịch cá hồi đối với	08	Y học Thực hành			số 1047	16-20	2017

	cải thiện tình trạng dinh dưỡng và miễn dịch của trẻ em từ 12 đến 36 tháng tuổi bị nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính tại BVĐK tỉnh Bắc Ninh 2017							
7	Khảo sát một số yếu tố liên quan đến chất lượng phòng xét nghiệm và kết quả kiểm tra một số chỉ số hóa sinh máu ở các bệnh viện tuyến tỉnh Hải Dương năm 2018	02	Y học Thực hành		Số 11 (1085)	118-123	2018	
8	Hiệu quả mô hình can thiệp nâng cao năng lực chẩn đoán và xử lý bệnh thoái hóa khớp gối của cán bộ trạm y tế xã thuộc tỉnh Hải Dương	02	Y học Việt Nam		số 465	111-117	2018	
9	Khảo sát một số yếu tố liên quan đến chất lượng phòng xét nghiệm và kết quả kiểm tra một số chỉ số hóa sinh máu ở các bệnh viện tuyến huyện Hải Dương	04	Y học Việt Nam		Tập 470	40-50	2018	
10	Xây dựng và ứng dụng phần mềm quản lý bệnh viêm gan tại tỉnh Hải Dương	02	Y học Thực hành		số 1085	80-84	2018	
11	Mật độ xương của 200 phụ nữ mãn kinh ở tỉnh Hải Dương	02	Y học Việt Nam		Tập 470	138-143	2018	

12	Evaluate the vitality of Dermatophagoides pteronyssinus allergen through in vivo in vitro tests			Journal of Functional Ventilation and Pulmonology (SJIF 2017 = 6.43)		Volume 9 – ISSUE 28	41-46	2018
13	Study of changes in clinical symptoms and some biologic parameters in asthma patients allergic to D. pteronyssinus treated by sublingual and subcutaneous immunotherapy	03		Journal of Functional Ventilation and Pulmonology (SJIF 2017 = 6.43)		Volume 9 – ISSUE 28	53-58	2018
14	Effectiveness assessment of in vivo and in vitro test for diagnosing the causes of allergic asthma	03		Journal of Functional Ventilation and Pulmonology (SJIF 2017 = 6.43)		Volume 9 – ISSUE 28	35-40	2018
15	Study of changes in the clinics, lung function and skin prick - test in asthmatic patients allergic to D. pteronyssinus under the effect of sublingual immunotherapy	03	Tạp chí	Journal of Functional Ventilation and Pulmonology (SJIF 2017 = 6.43)		Volume 9 - ISSUE 28	47-52	2018
16	Khảo sát nồng độ Alpha Fetoprotein và một số yếu tố liên quan ở những bệnh nhân ung thư biểu mô tế bào gan tại khoa Nội tiêu hóa Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	02	Y học Thực hành			Số 1 (1089)	44-47	2019

17	Đặc điểm một số chỉ số huyết học và hóa sinh ở bệnh nhân xơ gan tại Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	02	Y học Thực hành			Số 2 (1090)	39-43	2019
18	Nghiên cứu thực trạng mắc bệnh Hen phế quản và một số yếu tố liên quan ở học sinh tiểu học, trung học Lê Hồng Phong, Ngô Quyền, Hải Phòng	03	Y học Việt Nam			Tập 478 (số 1 tháng 5)	91-96	2019
19	Đặc điểm lâm sàng và thực trạng kiểm soát hen phế quản ở học sinh tiểu học, trung học Lê Hồng Phong, Ngô Quyền, Hải Phòng	03	Y học Việt Nam			Số 478 (số 1 tháng 5)	163-168	2019
20	Study of Efficacy and Adherence of Auto-CPAP Therapy in Patients with Obstructive Sleep Apnae	04		Advances in Medical Science (IF = 2.064)		Volume 64, Issue 2	124-131	2019
21	Study of the Beneficial role of Exhaled nitric oxide in combination with GINA guideline for titration of inhaled corticosteroids in children with asthma	04		Canadian Respiratory Journal (IF = 1.132)		Volume 32, Issue 3	1-6	2019
22	Recombinant Opisthorchis viverrini tetraspanin expressed in Pichia pastoris as a potential vaccine candidate for opisthorchiasis	08		Parasitology Research				2019

23	Nhận xét kết quả của phác đồ nối tiếp trong điều trị tiệt trừ <i>Helicobacter pylori</i> ở bệnh nhân loét hành tá tràng điều trị tại Bệnh viện Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương	02	Y học thực hành		Số 6 (1101) 2019	45-49	2019
24	Khảo sát thực trạng mắc chứng bàng quang tăng hoạt ở người từ 18 tuổi trở lên tại xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương	02	Y học Việt Nam		Tập 480 (Số 1&2 tháng 7/ 2019)	9-12	2019
25	Hiệu quả can thiệp cộng đồng về nhiễm độc chì với trẻ em tại Bắc Kạn và Thái Nguyên	05	Y học Dự phòng		Tập 29 (số 3 - 2019)	18-25	2019

### 7.3 Giải thưởng quốc gia, quốc tế (tên giải thưởng, quyết định trao giải thưởng, ...)

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1	Giải nhì Hội thi Sáng tạo Khoa học & Kỹ thuật tỉnh Hải Dương	UBND tỉnh Hải Dương	QĐ số 3017/QĐ-UBND ngày 20/11/2015	01
2	Giải B giải thưởng KHCN Côn Sơn tỉnh Hải Dương	UBND tỉnh Hải Dương	QĐ số 103/QĐ-UBND, ngày 06/01/2017	01

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ ở cơ sở giáo dục đại học:

- Tham gia xây dựng chương trình đào tạo đại học các ngành Y khoa, Điều dưỡng (Điều dưỡng đa khoa, Điều dưỡng gây mê, Điều dưỡng Sản phụ khoa, Điều dưỡng Nha), Kỹ thuật Xét nghiệm Y học, Kỹ thuật hình ảnh Y học, Kỹ thuật Phục hồi chức năng.
- Tham gia xây dựng các đề án, dự án về tăng cường năng lực nghiên cứu của Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương: tăng cường trang thiết bị của labo trung tâm, Tăng cường năng lực nghiên cứu khoa học cho Labo xét nghiệm sinh học phân tử; Tăng cường Trang thiết bị phòng thí nghiệm Huyết học - Truyền máu; Mua sắm thiết bị tiền lâm sàng thuộc Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương...;

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín:

- Thời gian được cấp bằng
- Giờ chuẩn giảng dạy
- Công trình khoa học đã công bố:
- Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ
- Hướng dẫn NCS, ThS:

### C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hải Dương, ngày 3 tháng 7 năm 2019  
Người đăng ký



Đinh Thị Diệu Hằng

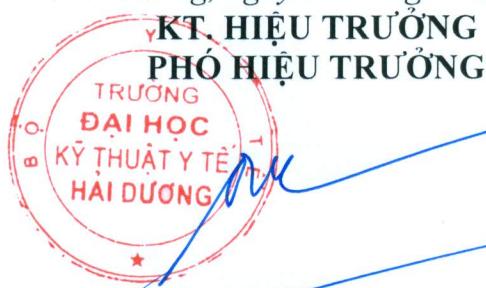
### D. XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU NOI ĐANG LÀM VIỆC

#### Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương xác nhận:

- Những nội dung “thông tin cá nhân” của TS.BS. Đinh Thị Diệu Hằng đã kê khai là đúng sự thật.
- TS.BS. Đinh Thị Diệu Hằng công tác tại đơn vị từ tháng 11 năm 1996 đến nay luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao ở các vị trí công tác, đặc biệt trong giai đoạn là Lãnh đạo Nhà trường (Phó Hiệu trưởng từ năm 2012 đến năm 2014 và Hiệu trưởng, Bí thư Đảng ủy từ năm 2015 đến nay) đã có nhiều đóng góp quan trọng để giữ vững và nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, khám chữa bệnh của Nhà trường, được các cơ quan quản lý cấp trên và đơn vị ghi nhận, đánh giá cao.

(Những nội dung khác đã kê khai, ứng viên tự chịu trách nhiệm trước pháp luật)

Hải Dương, ngày 28 tháng 5 năm 2019



TS.Trần Quang Cảnh